

Glossary of terms

AI Thụ tinh Nhân tạo	Một thủ thuật trong đó một ống thông (ống) mịn được đưa qua cổ tử cung (chỗ mở tự nhiên của tử cung) vào bên trong tử cung (dạ con) để đặt một mẫu tinh trùng trực tiếp vào bên trong tử cung. Mục đích của thủ thuật tương đối đơn giản này là để đạt được việc thụ tinh và có thai. Thụ tinh nhân tạo còn được gọi là bơm tinh trùng vào buồng tử cung (intrauterine insemination - IUI).
ART Điều trị Hỗ trợ Sinh sản	Một biện pháp điều trị hay một thủ thuật y khoa đem đến, hoặc cố đem đến, việc có thai ở người phụ nữ bằng phương cách không phải là bằng giao hợp hay thụ tinh nhân tạo, và bao gồm việc thụ tinh trong ống nghiệm và chuyển giao tử qua ống dẫn trứng.
Cha mẹ Ủy thác	Cho một dàn xếp về việc mang thai thế, người hay những người tham gia dàn xếp về việc mang thai thay thế này để một phụ nữ thay mặt người này hay những người này mang thai đứa trẻ.
DI Thụ tinh Nhân tạo với Tinh trùng của Người Cho	Việc thụ tinh nhân tạo với tinh trùng của người cho.
Người cho	Người cho trứng hoặc tinh trùng. Người này có thể là người ẩn danh hoặc biết danh đối với người nhận.
Sự Thụ thai bằng Tinh trùng hoặc Trứng của Người cho	Việc thụ thai diễn ra qua việc sử dụng các giao tử được cho (trứng, tinh trùng hay phôi thai). Những người được sinh ra qua việc sử dụng biện pháp điều trị bằng giao tử của người cho được gọi là được thụ thai bằng giao tử của người cho hoặc con đẻ của người cho.
Người Nhận/Họ hàng của Người Cho	Người nhận hoặc người có quan hệ họ hàng với người nhận thủ thuật điều trị bằng cách sử dụng giao tử của người cho. Thuật ngữ này thường được sử dụng để mô tả ai đó trong vai trò là cha mẹ của người được thụ thai bằng giao tử của người cho. Tuy nhiên, thuật ngữ này có thể được mở rộng ra ngoài phạm vi này.
Điều trị bằng Giao tử của Người Cho	Một thủ thuật điều trị trong đó kết quả mong muốn là sự có thai qua việc sử dụng các giao tử của người cho.
Phôi thai	Cơ thể trong các giai đoạn đầu của sự phát triển và được phân biệt với sự thụ thai, ở người, lúc bắt đầu của tháng thứ ba của thai kỳ. Sau thời điểm này, nó được gọi là thai.
ET Chuyển giao Phôi thai	Việc chuyển giao phôi thai vào bên trong tử cung, sử dụng một ống mảnh.
FSH Kích thích tố kích thích nang trứng	Một loại kích thích tố được tuyến yên sản xuất ra, kiểm soát chu kỳ kinh nguyệt và việc sản xuất ra trứng của buồng trứng. FSH ở vào mức độ cao nhất ngay trước khi phụ nữ rụng trứng. Ở nam giới, kích thích tố này kiểm soát việc sản xuất ra tinh trùng và mức độ của nó thường không thay đổi.
Sự thụ tinh	Việc tinh trùng xâm nhập vào bào (trứng).
Giao tử	Noãn bào (trứng) hay tinh trùng.
GIFT Chuyển Giao tử qua Ống dẫn Trứng	Một thủ thuật y khoa về việc chuyển noãn bào (trứng) và tinh trùng sang cơ thể của người phụ nữ.
HSG Chụp cản quang tử cung vòi trứng	Một thủ thuật chụp X-ray để kiểm tra xem hai ống dẫn trứng có thông hay không và xem tử cung có các dị tật hay không.

Glossary of terms

ICSI Bơm Tinh trùng vào Buồng Tử cung	ICSI là một kỹ thuật vi thao tác trong đó một tinh trùng được tiêm vào cấu trúc tế bào bên trong của trứng.
IUI - Bơm tinh trùng vào buồng tử cung	Một thủ thuật trong đó một ống thông (ống) mảnh được đưa qua cổ tử cung (chỗ mở tự nhiên của tử cung) vào bên trong tử cung (đạ con) để đặt một mẫu tinh trùng trực tiếp vào bên trong tử cung. Mục đích của IUI là để đạt được việc thụ tinh và có thai. IUI là một thủ thuật tương đối đơn giản. "Intrauterine" là bên trong tử cung. "Insemination" là từ "in-" + "semen," hạt = hạt bên trong. Vì vậy, "intrauterine insemination" = hạt bên trong tử cung.
IVF Thụ tinh Trong Ống nghiệm	Một thủ thuật trong phòng thí nghiệm, trong đó tinh trùng được đặt cùng với trứng chưa được thụ tinh trong một chiếc đĩa có nắp để đạt được sự thụ tinh. Phôi thai này sau đó được chuyển vào bên trong tử cung để bắt đầu việc mang thai hoặc được bảo quản lạnh (ướp lạnh) để được sử dụng trong tương lai. IVF ban đầu được phát minh để cho phép phụ nữ có ống dẫn trứng bị tổn thương hoặc không có ống dẫn trứng, có được em bé. Thông thường, trứng chín được phóng thích từ buồng trứng (rụng trứng), rồi vào ống dẫn trứng, và chờ ở cổ của ống dẫn trứng để được tinh trùng thụ tinh. Với ống dẫn trứng bị dị tật, việc này là việc không thể. Em bé IVF đầu tiên là Louise Joy Brown, được sinh ra ở Anh quốc vào năm 1978.
Thụ tinh Trong Ống nghiệm	Thụ tinh trong ống nghiệm, về nghĩa đen, có nghĩa là "sự thụ tinh trong thủy tinh". Đứa trẻ được sinh ra trong ống em được gọi một cách không chính xác là "em bé trong ống nghiệm".
LH Kích thích tố kích thích thể vàng	Một loại kích thích tố được tuyến yên phóng thích ra nhằm đáp lại kích thích tố phóng thích ra kích thích tố kích thích thể vàng. Được viết tắt là LH, kích thích tố kiểm soát khoảng thời gian và thứ tự của chu kỳ kinh nguyệt của phụ nữ, bao gồm việc rụng trứng, việc chuẩn bị tử cung cho sự làm tổ của trứng đã được thụ tinh, và việc buồng trứng sản xuất ra kích thích tố sinh dục nữ và kích thích tố duy trì thai. Ở nam giới, kích thích tố này kích thích tinh hoàn sản xuất ra kích thích tố nam. Còn được gọi là kích thích tố kích thích tế bào khe (interstitial-cell-stimulating hormone - ICSH).
Kinh nguyệt	Máu định kỳ chảy ra như một sự tiết ra từ tử cung. Còn được gọi là xuất kinh, thời gian khi kinh nguyệt diễn ra được gọi là thời gian kinh nguyệt. Thời gian kinh nguyệt xảy ra ở thời gian cách quãng giữa hai lần kinh nguyệt là khoảng 4 tuần lễ, để tạo ra chu kỳ kinh nguyệt.
MESA Lấy tinh trùng từ mào tinh bằng kỹ thuật vi phẫu	Thủ thuật để lấy tinh trùng từ người có ống sinh sản (mào tinh hoàn) bị tắc hoặc đã trải qua phẫu thuật cắt ống dẫn tinh.
Lấy noãn bào (trứng)	Thủ thuật được thực hiện trong nỗ lực nhằm lấy trứng từ người phụ nữ.
Rụng trứng	Việc giải phóng ra trứng chín từ buồng trứng. Trứng được giải phóng ra khi khoang quanh trứng (nang) vỡ ra đáp lại một tín hiệu kích thích tố. Sự rụng trứng diễn ra khoảng ngày thứ mười bốn hoặc mười lăm kể từ ngày đầu tiên của chu kỳ kinh nguyệt lần trước của người phụ nữ này. Khi sự rụng trứng diễn ra, trứng này di chuyển vào ống dẫn trứng và trở nên sẵn sàng cho sự thụ tinh.
OHSS Hội chứng quá kích buồng trứng	Một hiện tượng biến chứng của biện pháp hỗ trợ sinh sản, nếu để không được điều trị, có thể gây nên những ảnh hưởng trầm trọng đến sức khỏe. OHSS xảy ra khi có sự kích thích buồng trứng quá mức trong khi sử dụng thuốc kích thích sinh sản. Phụ nữ có thể phản nản về sự khó chịu ở bụng và phù nề nhẹ, cảm thấy đầy trướng, buồn nôn và tăng ký.
OI Kích thích sự rụng trứng	Việc sử dụng thuốc, như các loại thuốc, thuốc viên hoặc thuốc chích, để khuyến khích việc rụng trứng ở những phụ nữ thường không rụng trứng.

Glossary of terms

PGD Chẩn đoán Di truyền Trước khi Phôi thai Làm tổ	Sau IVF, một hoặc hai tế bào được lấy ra khỏi phôi thai trong ống nghiệm và được kiểm tra nhằm tránh việc truyền một dị tật di truyền hay một bệnh bẩm sinh nào đó được thừa kế từ cha mẹ. Thủ thuật này còn có thể được sử dụng cho IVF và cho các trường hợp suy thai.
Có thai	Tình trạng mang trong cơ thể một bào thai đang phát triển. Từ “pregnant” có nguồn gốc từ tiếng La-tinh, pre- nghĩa là trước + (g)natus nghĩa là sinh = trước khi (cho ra) sự sinh nở. Từ “prenatal” có chính xác cùng nguồn gốc này.
SETT Chuyển Một Phôi thai	Khi chỉ một phôi thai được chuyển giao vào bên trong tử cung.
Anh, chị, em/Anh, chị, em cùng cha khác mẹ hoặc cùng mẹ khác cha	Mối quan hệ giữa hai người được thụ thai bằng giao tử của người cho. Nếu họ là kết quả của việc cùng một người mẹ sử dụng cùng một người cho hoặc cùng hai người cho, thì họ được coi là anh, chị, em cùng cha cùng mẹ. Những người được sinh ra do kết quả của biện pháp điều trị bằng giao tử của người cho, trong đó cùng một người cho được sử dụng, thì được coi là anh, chị, em cùng cha khác mẹ, hoặc cùng mẹ khác cha.
Mang thai thay thế	Một người phụ nữ trở thành cố tình có thai, thỏa thuận trước khi thụ thai là sẽ vĩnh viễn trao nộp đứa trẻ cho người khác hoặc cặp khác, người/những người mà sẽ là cha, mẹ của đứa trẻ này.
Đăng bạ	Hồ sơ chính thức hoặc hồ sơ chính quyền. Cơ quan Đăng ký Khai sinh, Khai tử và Kết hôn của Bang Victoria duy trì sổ sách liên quan đến việc thụ thai bằng giao tử của người cho tại Bang Victoria.
TESE Chọc hút tinh trùng từ mô tinh hoàn	Cùng loại phẫu thuật như MESA, chỉ khác là tinh trùng được lấy từ tinh hoàn, do bởi người đàn ông không có tinh trùng trong dịch xuất tinh. Tinh trùng sau đó được lấy để được sử dụng trong IVF hoặc trong một biện pháp điều trị ICSI.
Chuyển giao	Thủ thuật đặt phôi thai hoặc noãn bào và tinh trùng vào bên trong cơ thể của người phụ nữ.
ZIFT Chuyển hợp tử vào trong ống dẫn trứng	Hợp tử là trứng đã được thụ tinh. Thủ thuật này tương tự như IVF, trong đó trứng được thụ tinh trong phòng thí nghiệm rồi sau đó được chuyển vào ống dẫn trứng.